TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/8/2024
"V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con và tranh chấp về nợ chung giữa chị D và anh D"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Được
- Ông Huỳnh Văn Đương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06/5/2025, về việc *"Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và tranh chấp nợ chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2024/QĐST-HN, ngày 19/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương D, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Ấp Bến Đáy B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Huỳnh Trí D1, sinh năm 1978;
Địa chỉ: Ấp Bến Đáy B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C;
Địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C;

Địa chỉ: Khóm Mỹ C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Con chung của chị D và anh D1 tên:

- Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009. Có mặt
- Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Phương D trình bày: Vào năm 2008 chị và anh Huỳnh Trí D1 qua mai mối và xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh quá trình chung sống chị và anh D1 có 02 con chung tên Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009 và Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013 đang sống chung cùng chị và anh D1 nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị D cho rằng anh D1 ghen tuông vô cớ lời qua tiếng lại dẫn đến tranh cải gay gắt, anh D1 dùng lời lẽ thô tục chửi mắn xúc phạm chị, anh D1 đánh chị rất nhiều lần mâu thuẫn ngày càng trầm trọng tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống không quan tâm nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc ly thân 03 năm nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Trí D1.

- Về con chung: Chị và anh D1 có 02 con chung tên Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009 và Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013 chị D yêu cầu được nuôi và yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho hai người con (2.000.000 đồng/người con) và cấp dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị D không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Huỳnh Trí D1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, có tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Về chấp hành pháp luật của đương sự chị D và anh D1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D và anh D1 được ly hôn với nhau, về con chung tên Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009 và Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013 chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi và theo nguyện vọng của con Trí Nguyên và Phương T được sống chung với chị D để con chung có cuộc sống ổn định về thể chất và tinh thần nên để cho chị D được tiếp tục nuôi con chung Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009 và Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013, về cấp dưỡng nuôi con chị D yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho hai người con (2.000.000 đồng/người con) và cấp dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị D và về số nợ phải thu, phải trả chị D không tranh chấp không yêu cầu giải quyết, tại biên bản hoà giải ngày 19/7/2024 anh D1 yêu cầu trả nợ chung, quá trình giải quyết Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C không yêu chị D và anh D1 trả nợ chung nên đề nghị không xem xét và không chấp nhận yêu cầu chia nợ chung của anh D1, về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật; anh D1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Huỳnh Trí D1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà bị đơn anh Huỳnh Trí D1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D1, Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C theo luật định.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị D khởi kiện xin ly hôn với anh D1, yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và anh D1 yêu cầu trả nợ chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng

nuôi con và tranh chấp nợ chung" là đúng quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị D và anh D1 chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị D và anh D1 là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị D và anh D1 tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị D và anh D1 đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, từ khi ly thân 03 năm nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tại bản tự khai ngày 25/6/2024 anh D1 cho rằng chị D có mối quan hệ mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh có khuyên nhưng chị D không sửa đổi nên mâu thuẫn ngày càng gây gắt hơn, tình cảm ngày càng xa lánh bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Tòa án tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D và anh D1 không đoàn tụ được từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

- Về nuôi con tên: Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009 và Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013 là con của chị D và anh D1, trong thời gian vợ chồng ly thân, con chung Trí Nguyên và Phương T sống với chị D, được chị D nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và tại phiên toà hôm nay con chung Trí Nguyên có nguyện vọng được sống chung với chị D và theo biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2024 con chung Phương Trang có nguyện vọng được sống chung với chị D. Tại phiên tòa chị D yêu cầu được nuôi hai con chung, tại biên bản hoà giả ngày 19/7/2024 anh D1 đồng ý để chị D nuôi hai con chung, để con chung Trí N và Phương T có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao con chung Trí N và Phương T cho chị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị D yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người con) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi và thời hạn kể từ ngày 12/8/2024, quá trình giải quyết và tại biên bản hoà giải, ngày 19/7/2024 anh D1 đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người con) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị D.

- Về tài sản chung: Chị D và anh D1 không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay chị D không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, tại bản tự khai và tại biên bản hoà giải, ngày 19/7/2024 anh D1 cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C số tiền

là 270.000.000 đồng và nợ Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C số tiền là 100.000.000 đồng khi ly hôn anh yêu cầu chị D cùng anh có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C. Phía Toà án có thông báo cho Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C thì phía Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C có đơn không yêu cầu anh D1 và chị D có nghĩa vụ trả do anh D1 vay 02 khoản vay trên của hai Ngân hàng là vay trừ lương, hàng tháng phía anh D1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay. Vì vậy Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C không yêu cầu anh D1 và chị D có nghĩa vụ trả nên Hội đồng xét xử không xem xét và không chấp nhận yêu cầu trả nợ chung của anh D1.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Dũng phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban T1;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương D.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Phương D và anh Huỳnh Trí D1 được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Chị Nguyễn Phương D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009 và Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013 sau khi ly hôn.

Anh Huỳnh Trí D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Huỳnh Trí D1 phải cấp dưỡng nuôi con tên Huỳnh Trí N, sinh ngày 28/02/2009; Huỳnh Ngọc Phương T, sinh ngày 16/7/2013 mức cấp dưỡng 4.000.000 đồng cho hai người con (2.000.000đồng/người con), phương thức

cấp dưỡng hàng tháng và cấp cho đến khi con chung Huỳnh Trí N và Huỳnh Ngọc Phương T đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2024 theo yêu cầu của chị Nguyễn Phương D.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Chị D không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị D không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, quá trình giải quyết anh D1 cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C số tiền là 270.000.000 đồng và nợ Ngân hàng N1 chi nhánh huyện C số tiền là 100.000.000 đồng khi ly hôn anh D1 yêu cầu chị D cùng anh có nghĩa vụ trả nhưng phía Ngân hàng TMCP C (V) chi nhánh huyện C và ngân hàng N1 chi nhánh huyện C có đơn không yêu cầu anh D1 và chị D có nghĩa vụ trả, do anh D1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không chấp nhận yêu cầu trả nợ chung của anh D1.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Phương D có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0001240, ngày 22/4/2024 do chị D nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, Chị Nguyễn Phương D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Huỳnh Trí D1 nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T,

huyện C, tỉnh Tnh;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Lê Thị Tranh